

Số: 105 /QĐ-THHTAY

Hải Quang, ngày 03 tháng 05 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai giao bổ sung dự toán Ngân sách năm 2026**

**Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách  
của Trường tiểu học Hải Tây**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ quyết định số: 324/QĐ - UBND ngày 29/04/2026 của UBND xã Hải Quang về việc giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2026: Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách ;*

- Xét đề nghị của bộ phận tài chính trường tiểu học Hải Tây.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2026: Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách của trường Tiểu học Hải Tây (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Kế toán tài chính
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Trần Thị Lựa**

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI TÂY**  
Chương: **822**

Mẫu biểu số 74

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 105/QĐ-THHTAY ngày 03/05/2026 của trường Tiểu học Hải Tây)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                                                               | Dự toán được |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | 2                                                                                      | 3            |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                                            |              |
| I   | Số thu phí, lệ phí                                                                     |              |
| 1   | Lệ phí                                                                                 |              |
|     | Lệ phí...                                                                              |              |
|     | Lệ phí...                                                                              |              |
| 2   | Phí                                                                                    |              |
|     | Phí...                                                                                 |              |
|     | Phí...                                                                                 |              |
| II  | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                       |              |
| I   | Chi sự nghiệp.....                                                                     |              |
| a   | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                      |              |
| b   | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                |              |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                         |              |
| 1   | Nguồn ngân sách trong nước                                                             |              |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                                                 |              |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                   |              |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                                                        | 24.860.000   |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ ( bổ sung dự toán                                    | 24.860.000   |
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ ( dự toán thu, chi ngân sách năm 2026          |              |
| 3.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ ( giảm dự toán tạm giao chi ngân sách năm 2026 |              |

Hải Quang, Ngày 03 tháng 05 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị  
(Chữ ký, dấu)



Trần Thị Lụa

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HẢI QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 324/QĐ-UBND

Hải Quang, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2026  
Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Hải Quang về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã Hải Quang năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2026 cho UBND các xã, phường để chi trả kinh phí bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số;*

*Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2026 cho UBND các xã, phường để hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật (đợt 4);*

*Xét đề nghị tại các Tờ trình số 02/TTr-VHXXH ngày 17/4/2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội, Tờ trình số 43/TTr-TMNHTAY ngày 17/4/2026 của Trường Mầm non Hải Tây, Tờ trình ngày 17/4/2026 của Trường Mầm non Hải Quang, Tờ trình số 40/TTr-MNHD ngày 17/4/2026 của Trường Mầm non Hải Đông, Tờ trình số 87/TTr-THHTAY ngày 17/4/2026 của Trường Tiểu học Hải Tây, Tờ trình số 43/TTr-THHQ ngày 17/4/2026 của Trường Tiểu học Hải Quang, Tờ trình số 43/TTr-THHD ngày 17/4/2026 của Trường Tiểu học Hải Đông, Tờ trình số 17/TTr-THCSHTAY ngày 17/4/2026 của Trường THCS Hải Tây, Tờ trình số 76/TTr-THCSHQ ngày 17/4/2026 của Trường THCS Hải Quang, Tờ trình số 08/TTr-THCSHAIDONG ngày 17/4/2026 của Trường THCS Hải Đông và Tờ trình số 42/TTr-PKT ngày 28/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Hải Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung dự toán ngân sách năm 2026 cho các phòng ban, đơn vị; số tiền: 2.305.410.000 đồng (Hai tỷ ba trăm linh năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng) để thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách; cụ thể như sau:

1. Kinh phí hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật: 1.952.340.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (Theo Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh).

2. Kinh phí tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm: 20.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Kinh phí chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình chưa phân bổ chi tiết đã giao tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/12/2025.

3. Kinh phí bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số: 117.300.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (Theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh).

4. Kinh phí chi tập luyện, bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi,... cho giáo viên và học sinh từ cấp tỉnh trở lên: 215.770.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Kinh phí chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề chưa phân bổ chi tiết đã giao tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/12/2025.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán ngân sách năm 2026 được bổ sung. Giao Phòng Kinh tế phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện dự toán của đơn vị.

Các phòng ban, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí nêu tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo, ủy viên UBND xã;
- KBNN Khu vực V – PGD số 7;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Việt**

## Phụ lục I

## BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Hải Quang)

| TT | Tên đơn vị                        | Mã QHNS | Tổng cộng            | Kinh phí hỗ trợ khác phục dịch bệnh động vật | Kinh phí tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm | Kinh phí chi bồi dưỡng hàng tháng năm 2026 cho cộng tác viên dân số | Kinh phí chi tập luyện, bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi,... cho giáo viên và học sinh từ cấp tỉnh trở lên | Đơn vị: đồng |
|----|-----------------------------------|---------|----------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| A  | B                                 | C       | 1=2+3+4+5            | 2                                            | 3                                                     | 4                                                                   | 5                                                                                                                         |              |
|    | <b>Tổng cộng</b>                  |         | <b>2.305.410.000</b> | <b>1.952.340.000</b>                         | <b>20.000.000</b>                                     | <b>117.300.000</b>                                                  | <b>215.770.000</b>                                                                                                        |              |
| 1  | Phòng Kinh tế xã Hải Quang        | 1150474 | 1.952.340.000        | 1.952.340.000                                |                                                       |                                                                     |                                                                                                                           |              |
| 2  | Phòng Văn hóa Xã hội xã Hải Quang | 1150473 | 20.000.000           |                                              | 20.000.000                                            |                                                                     |                                                                                                                           |              |
| 3  | Trạm y tế xã Hải Quang            | 1167466 | 117.300.000          |                                              |                                                       | 117.300.000                                                         |                                                                                                                           |              |
| 4  | Trường Mầm non Hải Tây            | 1129438 | 20.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 20.000.000                                                                                                                |              |
| 5  | Trường Mầm non Hải Quang          | 1129441 | 16.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 16.000.000                                                                                                                |              |
| 6  | Trường Mầm non Hải Đông           | 1129457 | 20.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 20.000.000                                                                                                                |              |
| 7  | Trường Tiểu học Hải Tây           | 1108003 | 24.860.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 24.860.000                                                                                                                |              |
| 8  | Trường Tiểu học Hải Quang         | 1107999 | 24.910.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 24.910.000                                                                                                                |              |
| 9  | Trường Tiểu học Hải Đông          | 1102686 | 25.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 25.000.000                                                                                                                |              |
| 10 | Trường Trung học cơ sở Hải Tây    | 1079949 | 30.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 30.000.000                                                                                                                |              |
| 11 | Trường Trung học cơ sở Hải Quang  | 1010088 | 30.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 30.000.000                                                                                                                |              |
| 12 | Trường Trung học cơ sở Hải Đông   | 1004623 | 25.000.000           |                                              |                                                       |                                                                     | 25.000.000                                                                                                                |              |